TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2019
V/v: tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc Y** (tên gọi khác: Misa), sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: số 44, đường P.Đ.L, KP. 5, phường A.B, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 44, đường P.Đ.L, KP. 5, phường A.B, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh V tự quen nhau, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 14/3/2017, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

C.T, huyện Th.M, tỉnh Hải Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2017.

Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ tháng 8/2017 và sống ly thân từ ngày 19/12/2017 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 8/2017 thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai người đã cố gắng hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng không được mà ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Y xác định không có, hiện nay chị không có mang thai.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Y cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại bản tự khai lập ngày 15/4/2019, bị đơn – anh Nguyễn Minh V trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc Y yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C.T, huyện Th.M, tỉnh Hải Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2017.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ ngày 19/12/2017 thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, kinh tế gia đình và việc quản lý tài sản chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai người đã cố gắng hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng không được mà ngày càng trở nên trầm trọng, do đó anh và chị Y đã sống ly thân từ ngày 19/12/2017 đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Y.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh V cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Chị Trần Thị Ngọc Y yêu cầu ly hôn đối với bị đơn – anh Nguyễn Minh V nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Nguyễn Minh V có đơn xin vắng mặt toàn bộ các giai đoạn tố tụng của Tòa án và đã vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc Y yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Nguyễn Minh V.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị Y và anh V tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C.T, huyện Th.M, tỉnh Hải Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2017; như vậy, việc kết hôn của chị Y và anh V đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Y và anh V đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; chị Y cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt gia đình; anh V cho rằng ngoài những nguyên nhân trên thì giữa anh và chị Y còn có mâu thuẫn về việc quản lý tài sản chung. Hiện nay chị Y và anh V xác định giữa hai người đều không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên anh, chị thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng do anh V vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn cho chị Y và anh V. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc chị Y, anh V đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 55 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y và anh V.

[2] Về con chung: Chị Y và anh V xác định không có, hiện nay chị Y không có mang thai nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh V xác định không có nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc Y.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003905, ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc Y, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh V xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Trần Thị Ngọc Y phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003905, ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- UBND xã C.T, huyện TH.M, Hải Dương
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân